**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**QUẬN NINH KIỀU**
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2021
V/v : Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Xuân Ánh**
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
1. Ông **Nguyễn Tấn Triều**
2. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa:

- Bà **Nguyễn Thị Bích Trâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 559 /2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 902/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Bà **Hồ Mộng T**, sinh năm 1985

ĐKTT: 379Y/9, khu vực 3, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. ( Có mặt)

**Bị đơn:** Ông **Nguyễn Trường G**, sinh năm 1979

ĐKTT: 379Y/9, khu vực 3, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. ( Xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Hồ Mộng T cho rằng: Bà và ông Nguyễn Trường G đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào năm 1998, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/7/2004 tại phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau. Nay bà xác định đã không thể hàn gắn với ông Giang nên có đơn yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung

Nguyễn Trường Thụ (Nam) sinh 16/5/2002

Hiện con đã thành niên, có khả năng lao động, nên không yêu cầu về ai phải nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn ông Nguyễn Trường G cho rằng: Vợ chồng tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện từ năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy

định. Về mâu thuẫn ông cho rằng do ông đang chấp án phạt tù, nên bà Tuyền xin ly hôn. Nay về quan hệ hôn nhân ông đồng ý ly hôn với bà Tuyền.

Về con chung: Có 01 con chung đã thành niên

-Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa,**

- Nguyên đơn trình bày vợ, chồng bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2000, nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn đã xảy ra mâu thuẫn trước khi ông Giang đi chấp hành án, mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc chi tiêu trong gia đình và mẹ ông Giang đã không cho bà ở căn nhà chung của vợ chồng.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

- Đối với Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đã xác định đúng về thẩm quyền theo loại việc, theo cấp xét xử và lãnh thổ; về quan hệ pháp luật tranh chấp là đúng; xác định đúng tư cách đương sự; việc thu thập chứng cứ; gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định.

- Đối với Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự thủ tục điều khiển tại phiên tòa;

- Đối với các đương sự, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố dân sự.

- Đối với nội dung giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**]. <u>Về thủ tục tố tụng:</u> Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Hồ Mộng T khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Trường G nên tranh chấp giữa các đương sự là loại "Tranh chấp ly hôn" và bị đơn có nơi cư trú tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Trường G có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[**2**].<u>Về nội dung:</u> Xét về yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Mộng T và ông Nguyễn Trường G bắt đầu chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/7/2004, nên được pháp luật công nhận ông, bà là vợ chồng. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, theo bà Tuyền cho rằng do tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn về tiền bạc chi tiêu trong gia đình và mẹ ông Giang không cho bà sống chung nhà, dẫn đến mâu thuẫn gay gắt. Còn đối với ông Giang thì cho rằng do ông phải chấp hành án phạt tù, nên bà Tuyền xin ly hôn.

Xét thấy với những mâu thuẫn của bà Tuyền, ông Giang dẫn đến yêu cầu xin ly hôn như ông, bà trình bày, cũng đã xảy ra thời gian dài cho đến nay, nhưng ông, bà cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại. Trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa cũng đã động viên hòa giải bà Tuyền hàn gắn lại với ông Giang, nhưng bà Tuyền vẫn cương quyết yêu cầu xin ly hôn, tại biên bản ghi lời khai ông Giang cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với bà Tuyền. Nên xét thấy mâu thuẫn của ông, bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này, thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được, nên thiết nghĩ chấp nhận cho bà Tuyền và ông Giang được ly hôn với nhau.

Về con chung : Ông, bà cho rằng có 01 con chung, đã thành niên có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông, bà cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình: Nguyên đơn phải nộp án phí theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của UBTVQH số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 4; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên án:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Mộng T

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hồ Mộng T được ly hôn với ông Nguyễn Trường G
- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Trường Thụ ( Nam), sinh 16/5/2002

Bà Hồ Mộng T và ông Nguyễn Trường G cho rằng các con đã thành niên, đều có khả năng lao động, nên không yêu cầu về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông, bà cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí Hôn nhân và Gia đình: Bà Hồ Mộng T phải nộp **300.000** đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà Tuyền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002632 ngày 04/6/2020 thành án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- UBND nơi cấp giấy ĐKKH
- Lưu hồ sơ.

**BÙI XUÂN ÁNH**